

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ D, ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ D, ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây chị và anh Nguyễn Văn Ú có thời gian quen biết tìm hiểu tình cảm, sau đó tiến tới chung sống với nhau vào năm 1990, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1990 nhưng cho đến nay chị và anh Ú không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Ú chung sống hạnh phúc 25 năm thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng; nguyên nhân mâu thuẫn là không có tiếng nói chung, không hợp nhau, chị và anh Ú thường hay cãi nhau, đến nay không còn tin tưởng nhau; sự việc mâu thuẫn này chị và anh Ú đã ngồi lại khuyên nhủ nhau nhưng anh chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn.

Nay chị xét thấy chung sống với anh Nguyễn Văn Ú không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để trả lại tự do cho nhau. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú.

- Về con chung: Chị và anh Ú chung sống có được 03 con chung tên là Nguyễn Thanh D, sinh năm 1991, Nguyễn Thanh M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994, hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định chung sống với anh Ú không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị khẳng định trong trình bày quá trình chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

** Tại bản tự khai ngày 22/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Ú trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị N tiến tới chung sống với nhau vào năm 1990, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1990 nhưng cho đến nay anh và chị N không có làm giấy kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống có hạnh phúc khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh và chị N thường hay cãi nhau; sự việc mâu thuẫn này đã được mẹ vợ khuyên bảo nhưng anh chị không thể hàn gắn lại được. Nay chị N xin ly hôn thì anh hoàn toàn thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống có được 03 con chung tên là Nguyễn Thanh D, sinh năm 1991, Nguyễn Thanh M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994, hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định chung sống không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh khẳng định trong trình bày quá trình chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Ú. Nơi bị đơn anh Ú đang cư trú tại tổ D, ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn Ú có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Ú.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ú tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận anh chị không có đăng ký kết hôn theo đơn xin xác nhận ngày 08/8/2023, trong quá trình chung sống đến nay anh chị vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn trễ hạn, do đó hôn nhân của anh chị trái với Luật hôn nhân và gia đình và là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình 2014 *“Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn kéo dài anh chị đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2020 cho đến nay, hiện nay anh chị không có quan tâm đến nhau, nay anh chị đều thống nhất ly hôn. Do anh chị chung sống mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn Ú là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh, chị đều xác định chung sống có 03 con chung tên là Nguyễn Thanh D, sinh năm 1991, Nguyễn Thanh M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994, hiện nay các con đều đã trưởng thành và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53, Điều 58; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn Ú là vợ chồng.

2. Về con chung: HĐXX không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba*

trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000686, ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Thới Quản;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn